TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN EA KAR** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25 – 11 – 2019.
"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Vụ, ông Y Nich Êban.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Hồ Xuân Thắng – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 357/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2019 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Thôn 5A, xã O, huyện E, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Bùi Văn T, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Thôn 5A, xã O, huyện E, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:*

Bà Trần Thị H và ông Bùi Văn T kết hôn tự nguyện với nhau vào năm 1993, đến ngày 22/6/2001 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã O, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian đầu thì xảy ra mâu thuẫn từ những năm 1996, 1997 do ông T thường xuyên bài bạc rồi về nhà ghen tuông vô cớ, đánh đập vợ con. Đến năm 2008, bà H đi xuất khẩu lao động đến năm 2014 bà H trở về nhưng chỉ ở nhà một thời gian ngắn thì bà H bỏ vào thành phố Hồ Chí Minh làm việc đến nay. Quá trình chung sống bà

H đã nhiều lần khuyên bảo và tha thứ cho ông T nhưng ông T không thay đổi tính tình. Nay bà Trần Thị H giải quyết cho bà được ly hôn với ông Bùi Văn T.

Về con chung: Quá trình chung sống bà H và ông T có hai con chung là cháu Bùi Thị T1, sinh năm 1994, hiện nay đã kết hôn và con Bùi Tấn T2, sinh ngày 03/3/2004, hiện đang sống cùng ông Bùi Văn T. Bà H đồng ý giao con cho chồng ông Bùi Văn T nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi cháu Tài đủ 18 tuổi và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/1 tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, công nợ chung: Bà Trần Thị H và ông Bùi Văn T tự nguyện thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn ông Bùi Văn T thể hiện: Ông và bà Trần Thị H tự nguyện kết hôn vào năm 1993. Đến năm 2001 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ea Ô vào ngày 22/6/2001. Đến năm 2008, vợ ông T đi xuất khẩu lao động đến năm 2014 thì trở về. Sau đó bà H lại bỏ đi làm ăn ở thành phố Hồ Chí Minh đến nay. Ông Bùi Văn T không đồng ý với bà H về các mâu thuẫn của vợ chồng như lời bà H đã trình bày. Nay bà Bùi Thị H khởi kiện đến Tòa án yêu cầu Tòa án cho bà H được y hôn với ông T thì ông T không đồng ý. Vì ông vẫn còn tình cảm với bà H.

Về con chung: Quá trình chung sống bà H và ông T có 02 con chung là cháu Bùi Thị T1, sinh năm 1994, hiện nay đã kết hôn và con Bùi Tấn T2, sinh ngày 03/3/2004, hiện đang sống cùng ông Bùi Văn T. Ông không đồng ý ly hôn nên không có yêu cầu về việc nuôi con. Tuy nhiên, nếu Tòa án vẫn giải quyết cho bà Trần Thị H được ly hôn với ông thì ông có nguyện vọng được nuôi con chung là cháu Bùi Tấn T2, sinh ngày 03/3/2004 và yêu cầu bà H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Ông Bùi Văn T và bà Trần Thị H tự nguyện thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar:

Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, cũng như tại phiên tòa Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị H về việc ly hôn với ông Bùi Văn T.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Bùi Tấn T2, sinh ngày 03/3/2004 cho ông Bùi Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Thị H cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/1 tháng, đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Các đương sự đều tự nguyện thỏa thuận nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Bà Trần Thị H có đơn khởi kiện đối với ông Bùi Văn T có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 5A, xã O, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Ea Kar có thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ án và xác định bà Trần Thị H là nguyên đơn, ông Bùi Văn T là bị đơn.

[1.2] Bà Trần Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Bùi Văn T và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trần Thị H và ông Bùi Văn T kết hôn vào năm 1993 nhưng đến năm 2001 mới đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã O cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 22/6/2001 nên quan hệ hôn nhân của bà Trần Thị H và ông Bùi Văn T là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H và ông T đều thống nhất và thừa nhận, sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đầu. Đến năm 2008, bà H đi xuất khẩu lao động đến năm 2014 thì trở về và sau đó tiếp tục vào thành phố Hồ Chí Minh làm việc từ đó đến nay. Thực tế, bà H và ông T đã sống ly thân từ năm 2008 đến nay. Tuy nhiên, ông T không đồng ý ly hôn với bà H, vì ông T cho rằng ông vẫn còn thương yêu vợ con. Những mâu thuẫn do bà H khai là không đúng sự thật.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình thì: "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình...". Tuy nhiên, Hội đồng xét xử nhận thấy thời gian ly thân giữa bà H và ông T đã lâu, vợ chồng không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về tình nghĩa vợ chồng. Hiện bà H đang sinh sống và làm việc tại thành phố Hồ Chí Minh, ông T

đang sinh sống và làm việc tại xã O, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, khả năng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Trần Thị H.

[2.2] Về con chung: Bà Trần Thị H và ông Bùi Văn T có hai con chung là cháu Bùi Thị T1, sinh năm 1994, hiện nay đã kết hôn và cháu Bùi Tấn T2, sinh ngày 03/3/2004, hiện đang sống cùng ông Bùi Văn T. Từ năm 2008 đến nay cháu Bùi Tấn T2 sống cùng ông Bùi Văn T, do ông T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Đồng thời theo nguyện vọng của cháu T2 muốn sống cùng bố. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu Bùi Tấn T2 cho ông T tiếp tục trông nom, chăm sóc và giáo dục là phù hợp, đúng pháp luật.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa bà Trần Thị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là cháu Bùi Tấn T2 mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi cháu Tài đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị H và ông Bùi Văn T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Trần Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H.

- Về hôn nhân: Bà Trần Thị H được ly hôn với ông Bùi Văn T.

- Về nuôi con: Giao con chung Bùi Tấn T2, sinh ngày 03/3/2004 cho ông Bùi Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Trần Thị H cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/01 tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Bà Trần Thị H được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Các đương sự đều tự nguyện thỏa thuận nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2] Về án phí: Bà Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0012954 ngày 08/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện E. Bà H còn phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện E;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã O, huyện E;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Đặng Thị Thu Hà